

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HSST

Ngày 02 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Hoàng Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Hiếu

Ông Lê Quốc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo sau đây:

1/ **Văn Trọng Đ**, sinh năm: 1983 tại BY, Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Văn Trọng T và bà: Lê Thị L; có vợ 1: Trương Thị M (đã ly hôn), vợ 2: Tráng Minh Ng và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2007 bị Công an huyện BY xử phạt vi phạm hành chính số tiền 700.000đ về hành vi Đánh bạc; năm 2009 bị Công an huyện BY xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc; năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện PY xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện BY xử phạt 12 tháng tù về tội Đánh bạc; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2017 đến ngày 14/11/2017 được tại ngoại, có mặt.

2/ **Văn Trọng G**, sinh năm: 1981 tại BY, Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu 2, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Văn Trọng T và bà: Lê Thị L; có vợ: Đào Thị Q và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2008 bị Công an huyện BY xử phạt vi phạm hành chính 7.000.000đ về hành vi Đánh bạc; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2017 đến ngày 14/11/2017 được tại ngoại, có mặt.

3/ **Bùi Văn D**, sinh năm: 1986 tại VC, Yên Bái; nơi ĐKKHKT: Đội 6, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái; nơi tạm trú: Khối 15, thị trấn PY1, huyện PY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn A (đã chết) và bà: Hà Thị Đ; có vợ: Đinh Thị Ph và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 06 năm tù về tội Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia và tội Trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2017 đến ngày 14/11/2017 được tại ngoại, có mặt.

4/ **Trịnh Văn C**, tên gọi khác: Trịnh Đình C1, sinh năm: 1981 tại PX, Hà Nội; nơi ĐKKHKT: Làng TQ, xã MT, huyện PX, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Tiểu khu 3, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn Gi (đã chết) và bà: Nguyễn Thị V; có vợ Nguyễn Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện BY xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2017 đến ngày 06/10/2017 được tại ngoại, có mặt.

5/ **Hà Thị Bích Th**, sinh năm: 1962 tại PY, Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn H và bà: Phạm Thị Kh; có chồng Cầm Minh T và 02 con (con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1986); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2017 đến ngày 06/10/2017 được tại ngoại, có mặt.

6/ **Lê Thị H**, sinh năm: 1964 tại PY, Sơn La; nơi cư trú: Bản PB3, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Cán bộ hành chính Trường tiểu học PB; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Xuân H (đã chết) và bà: Nguyễn Thị X; có chồng: Lê Văn L và 02 con (con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1988); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2017 đến ngày 06/10/2017 được tại ngoại, có mặt.

7/ **Quàng Văn H**, sinh năm: 1986 tại BY, Sơn La; nơi cư trú: Bản CM, xã TK, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quàng Văn Đ (đã chết) và bà: Lừ Thị X; có vợ: Lò Thị T và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2017 đến ngày 06/10/2017 được tại ngoại, có mặt.

8/ **Đỗ Thị Ng**, sinh năm: 1982 tại YC, Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu 2, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Minh Q và bà: Nguyễn Thị S; có chồng: Đinh Bá Ph và 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2017 đến ngày 06/10/2017 được tại ngoại, có mặt.

9/ **Đinh Văn S**, sinh năm: 1990 tại BY, Sơn La; nơi ĐKHKTT: Bản NN, xã TK, huyện BY, tỉnh Sơn La; nơi tạm trú: Bản PB1, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn Kh và bà: Hoàng Thị Ch; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2017 đến ngày 06/10/2017 được tại ngoại, có mặt.

10/ **Nguyễn Danh T**, sinh năm: 1990 tại BY, Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Danh H và bà: Đỗ Thị Th; có vợ: Chu Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2017 đến ngày 06/10/2017 được tại ngoại, có mặt.

11/ **Đỗ Văn H**, sinh năm: 1974 tại MĐ, Hà Nội; nơi cư trú: Bản PB1, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn Th (đã chết) và bà: Trần Thị T; có vợ: Nguyễn Thị Nh và 02 con (con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2017 đến ngày 14/11/2017 được tại ngoại, có mặt.

12/ **Nguyễn Tiến H**, sinh năm: 1985 tại LT, Phú Thọ; nơi ĐKHKTT: Khu 3, xã KK, huyện LT, tỉnh Phú Thọ; nơi tạm trú : Tiểu khu 3, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh H và bà: Nguyễn Thị Ng; có vợ: Nguyễn Thị Th và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2017 đến ngày 14/11/2017 được tại ngoại, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1964, nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2/ Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1985, nơi cư trú: Bản PB1, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

3/ Anh Dương Văn C, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tiểu khu 1, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

4/ Chị Lê Thu H, sinh năm 1988, nơi cư trú: Bản PB1, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

5/ Chị Tráng Minh Ng, sinh năm 1994, nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1/ Anh Hồ Văn B, sinh năm 1980, nơi cư trú: Tiểu khu 8, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tiểu khu 8, thị trấn

BY, huyện BY, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

3/ Nguyễn Kh, sinh năm 1980, nơi cư trú: Khu 1, xã H, huyện LT, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22h40 phút ngày 27/9/2017, tại nhà ở của Văn Trọng Đ, thuộc tiểu khu 4, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La, tổ công tác Đội 2 Phòng PC45 Công an tỉnh Sơn La đã phát hiện, bắt quả tang 15 đối tượng đang có mặt tại nhà Đ, trong đó có 11 đối tượng đang có hành vi chơi xóc đĩa được thua bằng tiền gồm: Văn Trọng G, Đỗ Văn H, Bùi Văn D, Trịnh Văn C, Quàng Văn H, Nguyễn Danh T, Đinh Văn S, Lê Thị H, Hà Thị Th, Đỗ Thị Ng, Nguyễn Tiến H. còn 04 đối tượng có mặt nhưng không tham gia chơi cá cược gồm: Dương Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Kh, Hồ Văn B. Vật chứng thu giữ trên chiếu nơi các đối tượng ngồi chơi xóc đĩa: 01 bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng; số tiền 5.800.000đ; 01 chiếu nhựa màu xanh, vàng; thu giữ xung quanh nơi các đối tượng cá cược (góc phòng thờ, cửa nhà vệ sinh) số tiền 3.200.000đ; thu trên người các đối tượng: 18.210.000đ và một số đồ vật khác (10 điện thoại, 07 xe máy), tổng số tiền thu giữ là: 27.210.000đ. Khám xét khẩn cấp nhà ở của Văn Trọng Đ thu giữ: 04 quân vị hình tròn, 01 kéo sắt chuỗi nhựa màu vàng; số tiền 42.100.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 27/9/2017, Văn Trọng Đ, Văn Trọng G, Trịnh Văn C, Bùi Văn D, Nguyễn Danh T, Đỗ Văn H, Quàng Văn H, Dương Văn C, Nguyễn Kh đến nhà Nguyễn Tiến H ở Tiểu khu 3, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La ăn cơm, uống rượu. Khi ăn uống xong thì Văn Trọng Đ đi sang nhà bố mẹ vợ ở tiểu khu 4, thị trấn BY1 chơi; còn Văn Trọng G rủ mọi người đến nhà Đ để chơi xóc đĩa cá cược được thua bằng tiền, mọi người đồng ý. Trên đường đi đến nhà Đ để chơi cá cược, G đã vào một quán ăn ở trên đường mua 01 bộ bát đĩa bằng sứ và 01 bao thuốc lá (loại ngựa trắng) với mục đích dùng làm công cụ chơi cá cược. Khi đến nhà Đ lúc này có Văn Trọng G, Đỗ Văn H, Bùi Văn D, Nguyễn Tiến H, Quàng Văn H, Đinh Văn S, Trịnh Văn C, Nguyễn Danh T, Dương Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Kh, Hồ Văn B; sau đó có Lê Thị H, Hà Thị Bích Th, Đỗ Thị Ng đến; Lúc này Văn Trọng Đ đi chơi về đến nhà, mọi người hỏi xin Đ cho mọi người chơi đánh bạc tại nhà của Đ, Đ nhất trí. Gi lấy kéo của nhà Đ và vỏ bao thuốc lá đưa cho H bảo H cắt quân vị. Sau đó, G bảo mọi người đi lên tầng 2 nhà Đ để chơi cá cược được thua bằng tiền bằng hình thức chơi xóc đĩa. Quá trình chơi, G bảo H làm người xóc cái, nếu hết ván đánh hoặc chơi xong ai thắng cược thì cho H tiền, cho nhiều hay ít tùy mọi người cho. Đỗ Văn H ngồi giữa chiếu, những người chơi ngồi hai bên trên chiếu thành hai hàng dài đối diện nhau phía trước mặt người xóc cái, bên tay phải của người xóc cái là cửa chẵn, bên trái là cửa lẻ. Hình thức chơi: Khi bắt đầu một ván đánh thì người xóc cái cho 4 quân vị lên một cái đĩa, úp bát lên 4 quân vị và xóc để các quân vị lật các mặt khác nhau, người chơi đặt cửa chẵn hoặc lẻ với số tiền cược tùy ý, số tiền cược thấp nhất

mỗi ván là 50.000đ, cao không hạn chế; mọi người tự cân đối tiền và cá cược với nhau với tỷ lệ một ăn một, tức là nếu thắng thì sẽ được số tiền bằng số tiền mình đã bỏ ra để đặt cược, nếu thua thì sẽ mất số tiền đó. Khi cửa chắn và lẻ đã cân tiền thì người xóc cái mở bát để xem quân vị, nếu có 2 hay 4 quân vị cùng màu trên đĩa là về chắn, nếu ngược lại là về lẻ. Trong từng ván chơi không có ai cầm cái mà mọi người tự đặt tiền cá cược với nhau và thu tiền của nhau, số tiền đặt cửa để cá cược tùy ý trong từng ván chơi; mọi người đặt tiền cá cược của mình vào các ô chắn hoặc lẻ bằng số tiền tương ứng để cá cược; khi cửa chắn và lẻ đã cân tiền thì Hòa mở bát để xem quân vị, nếu về chắn thì những người đặt bên chắn sẽ được toàn bộ số tiền đã đặt của bên lẻ và ngược lại.

Trước khi chơi xóc đĩa các đối tượng mang theo số tiền như sau để cá cược: Văn Trọng G có 1.400.000đ, Quảng Văn H có 17.220.000đ, Đỗ Thị Ng có 1.870.000đ, Trịnh Văn C có 1.100.000đ cá cược thắng được số tiền 1.800.000đ, Nguyễn Tiến H khi đến không có tiền nhưng đã được Trịnh Văn C đưa cho 1.500.000đ để cá cược, Bùi Văn D có 1.100.000đ, Đinh Văn S 1.000.000đ, Nguyễn Danh T có 510.000đ, Hà Thị Bích Th có 300.000đ, Lê Thị H có 200.000đ, Đỗ Văn H có 440.000đ nhưng không sử dụng để cá cược. Trong khi chơi có người đặt tiền ở cửa chắn, có người đặt tiền ở cửa lẻ để cá cược với nhau; có người thắng, người thua. Khi mọi người chơi được một lúc thì Đ bảo mọi người phải nộp tiền chơi (tiền phé hoặc tiền hồ) cho Đ; những người sau gồm: Văn Trọng G, Bùi Văn D, Nguyễn Danh T, Quảng Văn H, Đỗ Thị Ng, Trịnh Văn C đã bỏ ra mỗi người 200.000đ phía trước mặt nơi ngồi để nộp phé; H đã cầm số tiền này của mọi người (1.200.000đ) đưa cho Đ. Còn 04 người có mặt nhưng không tham gia chơi cá cược mà chỉ ngồi xem gồm: *Dương Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Kh, Hồ Văn B.* Riêng Văn Trọng Đ chỉ thu tiền phé không tham gia cá cược. Khi các đối tượng đang chơi xóc đĩa cá cược được thua bằng tiền đến 22 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Về số tiền thu giữ tại chiếu nơi các đối tượng ngồi chơi xóc đĩa là 5.800.000đ; thu giữ xung quanh nơi các đối tượng cá cược số tiền 3.200.000đ được xác định là của Nguyễn Danh T (1.800.000đ) và Đỗ Thị Ng (1.400.000đ); thu trên người các đối tượng số tiền 18.210.000đ (xác định có 1.200.000đ là tiền phé, 800.000đ của Văn Trọng Đ, 440.000đ của Đỗ Văn H, 70.000đ của Dương Văn C không sử dụng để cá cược) được trừ đi; số tiền còn lại các đối tượng đang sử dụng để cá cược là 15.700.000đ. Như vậy tổng số tiền các đối tượng dùng vào việc chơi xóc đĩa được thua bằng tiền là 24.700.000đ.

Đối với các đối tượng: Dương văn C, sinh năm 1979; trú tại: tiểu khu 1, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La; Hồ Văn B, sinh năm 1980; Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (cùng trú tại: tiểu khu 8, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La); Nguyễn Kh, sinh năm 1983; trú tại: Khu 1, xã H, huyện LT, tỉnh Phú Thọ là những người có mặt tại nhà Văn Trọng Đ vào tối ngày 27/9/2017. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh xác định những người trên không tham gia chơi cá cược.

Tại cáo trạng số 01/VKS-P2 ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo: Văn Trọng G, Đỗ Văn H, Quảng Văn H, Đỗ

Thị Ng, Bùi Văn D, Nguyễn Tiến H, Trịnh Văn C, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Hà Thị Bích Th, Lê Thị H về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1, Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Văn Trọng Đ về tội Gá bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Văn Trọng Đ từ 12 đến 15 tháng tù về tội Gá bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Văn Trọng G từ 10 đến 12 tháng tù về tội Đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Bùi Văn D từ 08 đến 10 tháng tù về tội Đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Trịnh Văn C (Trịnh Đình C1) từ 08 đến 10 tháng tù về tội Đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Hà Thị Bích Th 12 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Lê Thị H 12 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Quảng Văn H 10 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Đỗ Thị Ng 10 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Đinh Văn S 10 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Danh T 10 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 10 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 09 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tội ngày 27/9/2017, Văn Trọng G, Đỗ Văn H, Quảng Văn H, Đỗ Thị Ng, Bùi Văn D, Nguyễn Tiến H, Trịnh Văn C, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Hà Thị Bích Th, Lê Thị H đã có hành vi chơi xóc đĩa để cá cược được thua bằng tiền tại nhà ở của Văn Trọng Đ, thuộc tiểu khu 4, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La với tổng số tiền cá cược là 24.700.000đ. Đối với Văn Trọng Đ đã có hành vi cho 11 đối tượng nêu trên chơi xóc đĩa, cá cược được thua bằng tiền tại nhà ở thuộc quyền quản lý của Văn Trọng Đ để thu lợi bất chính số tiền 1.200.000đ. Trong khi các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập hồi 22h40' ngày 27/9/2017 tại gia đình Văn Trọng Đ – Tiểu khu 4, thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Lời khai của những người làm chứng Tráng Thị H, Vũ Văn Q chứng kiến việc cơ quan điều tra bắt người phạm tội quả tang về hành vi đánh bạc của các bị cáo và lời khai của Dương Văn C, Hồ Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Kh chứng kiến các bị cáo đánh bạc trái phép.

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Văn Trọng G, Đỗ Văn H, Quảng Văn H, Đỗ Thị Ng, Bùi Văn D, Nguyễn Tiến H, Trịnh Văn C, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Hà Thị Bích Th, Lê Thị H phạm tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 248 Bộ luật Hình sự

năm 1999; bị cáo Văn Trọng Đ đã phạm tội Gá bạc, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về khung hình phạt áp dụng

Đối với các bị cáo Văn Trọng G, Đỗ Văn H, Quảng Văn H, Đỗ Thị Ng, Bùi Văn D, Nguyễn Tiến H, Trịnh Văn C, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Hà Thị Bích Th, Lê Thị H: tối 27/9/2017 đã tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà Văn Trọng Đ với tổng số tiền cá cược là 24.700.000đ. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999: *“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ...”*.

Đối với bị cáo Văn Trọng Đ không tham gia đánh bạc nhưng đã tạo địa điểm là nhà ở do bị cáo quản lý để chứa chấp 11 người tham gia chơi xóc đĩa, với tổng số tiền cá cược là 24.700.000đ. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: *“Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trong cùng một lúc cho từ mười người đánh bạc trở lên hoặc cho từ hai chiếu bạc trở lên mà số tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng”* là một trong các trường hợp Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc với quy mô lớn. Như vậy, hành vi của bị cáo Văn Trọng Đ đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt, tại quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Các bị cáo Văn Trọng G, Đỗ Văn H, Quảng Văn H, Đỗ Thị Ng, Nguyễn Tiến H, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Hà Thị Bích Th, Lê Thị H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng, bị cáo Văn Trọng Đ, Văn Trọng G, Nguyễn Tiến H có ông nội, ông ngoại có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến công giải phóng, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo đều là người có nhận thức, biết được hành vi đánh bạc và gá bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của nhân dân, làm tha hóa đạo đức của một bộ phận dân cư, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia đình, là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự an toàn xã

hội, an ninh tại địa phương.

Vai trò của các bị cáo trong vụ án: xét thấy, đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, trong đó, bị cáo Văn Trọng G là người rủ rê, chuẩn bị công cụ, và trực tiếp tham gia hành vi phạm tội các bị cáo Trịnh Văn C, Nguyễn Danh T, Đỗ Văn H, Quảng Văn H, Đinh Văn S, Nguyễn Tiến H thực hiện hành vi đánh bạc trái phép nên bị cáo G giữ vai trò chính trong vụ án, cần có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo Đỗ Văn H không tham gia cá cược nhưng là người xóc cái cho các bị cáo khác đánh bạc, do vậy Đỗ Văn H giữ vai trò đồng phạm giúp sức; các bị cáo Trịnh Văn C, Nguyễn Danh T, Quảng Văn H, Đinh Văn S, Nguyễn Tiến H, Đỗ Thị Ng: tiếp nhận ý chí của bị cáo Văn Trọng G, cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò người thực hành. Do đó, khi lượng hình cần áp dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Trịnh Văn C, Nguyễn Danh T, Quảng Văn H, Đinh Văn S, Nguyễn Tiến H, Đỗ Thị Ng, Đỗ Văn H.

Đối với các bị cáo Văn Trọng Đ, Văn Trọng G, Bùi Văn D, Trịnh Văn C không tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo và được gia đình, chính quyền địa phương bảo lãnh nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên tòa.

Đối với bị cáo Hà Thị Bích Th, Lê Thị H phạm tội độc lập, không bị rủ rê lôi kéo, tuy nhiên các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng. Còn đối với các bị cáo Quảng Văn H, Đỗ Thị Ng, Nguyễn Tiến H, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Đỗ Văn H tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc ít; có nhân thân tốt; vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo trên ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng đảm bảo cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo Hà Thị Bích Th, Lê Thị H, Quảng Văn H, Đỗ Thị Ng, Nguyễn Tiến H, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Đỗ Văn H đã bị tạm giữ, tạm giam, do đó được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ).

Xét thấy, tại phiên tòa, các bị cáo Quảng Văn H, Đỗ Thị Ng, Nguyễn Tiến H, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Đỗ Văn H đều khai nhận không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập hàng tháng bấp bênh; còn bị cáo Lê Thị H, Hà Thị Bích Th có thu nhập từ lương nhưng quá thấp không đảm bảo điều kiện sinh hoạt hàng tháng nên không khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung công quỹ nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 3 Điều 248 và khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, song xét thấy các bị cáo không có điều

kiện thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[7] Vật chứng vụ án

- Đối với số tiền 42.100.000đ tạm giữ khi khám xét nhà ở của Văn Trọng Đ là tiền riêng của gia đình Đ không liên quan đến việc cá cược; số tiền 70.000đ thu giữ trên người của Dương Văn C không sử dụng để cá cược và 07 xe máy bị tạm giữ khi bắt qua tang các bị cáo, quá trình điều tra đã xác định có 06 xe máy của Trịnh Văn C, Nguyễn Danh T, Quảng Văn H, Lê Thị H, Đỗ Thị Ng, Dương Văn C không sử dụng để cá cược, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chị Tráng Minh Ng (vợ của bị cáo Văn Trọng Đ) số tiền 42.100.000đ; trả lại cho Dương Văn C 70.000đ và 01 chiếc xe máy hiệu HONDA WAVES có BKS 27X1-005.15; trả lại cho bà Đỗ Thị Th (mẹ bị cáo Nguyễn Danh T) 01 chiếc xe máy hiệu HONDA WAVE RS có BKS 26D1-104.02; trả lại cho bị cáo Quảng Văn H 01 chiếc xe máy YAMAHA EXCITER có BKS 26B2-016.21; trả lại cho chị Nguyễn Thị Ph 01 chiếc xe máy hiệu HONDA PGM-EI có BKS 26D1-152.51; trả lại cho bị cáo Đỗ Thị Ng 01 chiếc xe máy hiệu HONDA SH125I có BKS 26B2-196.61; trả cho chị Lê Thu H 01 chiếc xe máy hiệu HONDA AIRBLADE có BKS 26E1-049.62 là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

- Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS 26K9-2643 tạm giữ của Văn Trọng G. Quá trình điều tra, bị cáo G khai nhận đã mượn xe của Đinh Thị H, sinh năm 1973 (trú tại tiểu khu 3, thị trấn BY1, huyện BY) từ ngày 23/11/2017 để làm phương tiện đi lại. Đinh Thị H khai nhận chiếc xe máy trên do H mua lại của một người tên Tr (không rõ họ, địa chỉ) với giá 15.000.000đ, xe không có giấy tờ và không làm giấy mua bán xe. Qua tra cứu thông tin về nguồn gốc xe tại Phòng PC67 và PC52 Công an tỉnh Sơn La đã xác định chủ sở hữu chiếc xe máy trên là anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1984; trú tại: thôn BN, xã SN, huyện SD, tỉnh Tuyên quang, xe có BKS 22S2-0368; ngày 26/3/2014 anh T đã bị mất trộm chiếc xe này tại thị trấn PC, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; sau khi mất xe anh T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PN, tỉnh Phú Thọ để trình báo. Ngày 30/6/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PN, tỉnh Phú Thọ đã ra thông báo truy tìm vật chứng đối với chiếc xe máy có đặc điểm nêu trên. Ngày 30/11/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã có công văn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PN, tỉnh Phú Thọ để phối hợp giải quyết, đồng thời tách chiếc xe tang vật này để bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PN, tỉnh Phú Thọ để tiếp tục giải quyết ở một vụ án khác là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 chiếc đĩa, 01 chiếc bát sứ, 04 quân vị hình tròn, 01 chiếc kéo, 01 chiếu nhựa, quá trình điều tra xác định được là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 24.700.000đ (trong đó: 5.800.000đ thu trên chiếu bạc, thu của Văn Trọng G 520.000; của Nguyễn Danh T 1.810.000đ; thu của Quảng Văn H 14.800.000đ, thu của Trịnh Văn C 300.000đ, thu của Đỗ Thị Ng

1.470.000) dùng để đánh bạc và số tiền 1.200.000đ thu lợi bất chính của Văn Trọng Đ cùng 03 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo Đinh Văn S, Đỗ Thị Ng, xác định là tiền và phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước

- Đối với 08 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo Bùi Văn D, Trịnh Văn C, Quảng Văn H, Nguyễn Tiến H, Hà Thị Bích Th và số tiền 1.240.000đ thu của bị cáo Văn Trọng Đ, Đỗ Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Văn Trọng Đ phạm tội Gá bạc; các bị cáo Văn Trọng G, Bùi Văn D, Trịnh Văn C (Trịnh Đình C1), Hà Thị Bích Th, Lê Thị H, Quảng Văn H, Đỗ Thị Ng, Nguyễn Tiến H, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Đỗ Văn H phạm tội Đánh bạc.

[1] - Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Văn Trọng Đ 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Văn Trọng G 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Bùi Văn D 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Trịnh Văn C (Trịnh Đình C1) 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Văn Trọng Đ, Văn Trọng G, Trịnh Văn C (Trịnh Đình C1) cho Ủy ban nhân dân thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Giao bị cáo Bùi Văn D cho Ủy ban nhân dân thị trấn PY1, huyện PY, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật

Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Hà Thị Bích Th 12 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Lê Thị H 12 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Quảng Văn H 10 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 09 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TK, huyện BY, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Đỗ Thị Ng 10 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 09 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Đình Văn S 10 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 09 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Danh T 10 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 09 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 10 tháng cải tạo không

giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 01 tháng 18 ngày, được quy đổi bằng 04 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 05 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 09 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 01 tháng 18 ngày, được quy đổi bằng 04 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 04 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn BY1, huyện BY, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định Thi hành án và Bản sao bản án.

Giao các bị cáo Hà Thị Bích Th, Lê Thị H, Đỗ Thị Ng, Đinh Văn S, Nguyễn Danh T, Nguyễn Tiến H, Đỗ Văn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Quàng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã TK, huyện BY, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc đĩa bằng sứ hình tròn, đường kính khoảng 18cm màu trắng, mặt dưới đĩa có chữ HC made in Vietnam; 01 chiếc bát sứ hình tròn, lòng bát màu trắng mặt ngoài có hình bông hoa; 04 quân vị hình tròn được cắt từ bao thuốc lá màu vàng, kích thước 1,7cm; 01 chiếc kéo bằng sắt, chuôi bằng nhựa màu vàng; 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh, vàng kích thước 1,86x3,07m chiếu đã cũ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 25.900.000đ (trong đó: 5.800.000đ thu trên chiếu bạc, thu của Văn Trọng G 520.000; của Nguyễn Danh T 1.810.000đ; thu của Quàng Văn H 14.800.000đ, thu của Trịnh Văn C 300.000đ, thu của Đỗ Thị Ng 1.470.000, thu của Văn Trọng Đ 1.200.000đ).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen đã của của bị cáo Đỗ Thị Ng.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model RM-1133, vỏ màu đen của bị cáo Đinh Văn S.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen và số tiền 440.000đ của bị cáo Đỗ Văn H.

+ Số tiền 800.000đ của bị cáo Văn Trọng Đ.

+ 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo Bùi Văn D, trong đó: 01 chiếc

điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng vàng đã cũ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu BMW vỏ màu vàng đã cũ.

+ 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo Quảng Văn H, trong đó: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu xám, đã cũ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ màu đen đã cũ.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, vỏ màu đen, vỏ phía sau điện thoại bị vỡ của bị cáo Hà Thị Bích Th.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, vỏ màu xám, mặt kính phía trước bị vỡ nát của bị cáo Nguyễn Tiến H.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã trả lại cho chị Tráng Minh Ng số tiền 42.100.000đ; trả lại cho anh Dương Văn C 70.000đ và 01 chiếc xe máy hiệu Honda Waves có BKS 27X1-005.15; trả lại cho bà Đỗ Thị Th 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave RS có BKS 26D1-104.02; trả lại cho bị cáo Quảng Văn H 01 chiếc xe máy YAMAHA EXCITER có BKS 26B2-016.21; trả lại cho chị Nguyễn Thị Ph 01 chiếc xe máy hiệu Honda PGM-EI có BKS 26D1-152.51; trả lại cho bị cáo Đỗ Thị Ng 01 chiếc xe máy hiệu Honda SH125I có BKS 26B2-196.61; trả cho chị Lê Thu H 01 chiếc xe máy hiệu Honda Airblade có BKS 26E1-049.62.

[3] Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Phòng PC45 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo; NLQ;
- UBND thị trấn BY1, huyện BY;
- UBND xã TK, huyện BY;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Bích Hồng

